

Số: /2026/QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP.

b) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Hành vi làm suy giảm chất lượng đất

a) Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác; thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm: Diện tích đất vi phạm do vi phạm của hộ gia đình, cá nhân hoặc diện tích đất vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện, đã có quy hoạch, không còn tiếp tục sản xuất, canh tác được nữa do thấp trũng và không có nguồn nước, bị bỏ hoang không canh tác;

b) Hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định: Trường hợp diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc quy hoạch khác có liên quan, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình đất

a) Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất:

Trường hợp hành vi làm thay đổi bề mặt đất từ đất dốc hoặc đất không bằng phẳng thành đất bằng phẳng thì không phải khôi phục trở lại độ dốc, đất không bằng phẳng như ban đầu.

Hành vi làm thay đổi độ dốc bề mặt đất mà hiện nay diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc quy hoạch khác có liên quan, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì không phải khôi phục trở lại độ dốc như ban đầu trước khi vi phạm.

b) Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Tại thời điểm xử lý vi phạm hành chính thì diện tích đất mặt nước chuyên dùng đó không còn cần thiết cho mục đích sử dụng đã được xác định;

c) Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, cho thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận): Việc thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu là không thể thực hiện được bằng các biện pháp kỹ thuật cần thiết tại thời điểm buộc khôi phục.

Điều 3. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi huỷ hoại đất

1. Hành vi làm suy giảm chất lượng đất

a) Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác: Buộc khôi phục lại độ dày tầng đất như trước khi vi phạm. Loại đất sử dụng để khôi phục lại tầng đất canh tác là đất cũ đã lấy đi, trường hợp đất cũ đã sử dụng vào việc khác (không thể lấy lại được) thì sử dụng đất khác có chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng;

b) Hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi vi phạm: Buộc loại bỏ các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn sỏi, đá hay đất có thành phần khác ra khỏi diện tích đất vi phạm và khôi phục mặt đất như tình trạng ban đầu của đất trước khi thực hiện hành vi vi phạm đảm bảo đủ chất lượng của đất để sản xuất nông nghiệp như trước khi vi phạm;

c) Hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định: Buộc thực hiện các biện pháp (dùng công cụ, vật liệu) để bảo vệ, gia cố lại khu vực đất bị xói mòn, rửa trôi; cải tạo lại đất đảm bảo đủ chất lượng để sản xuất nông nghiệp.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình đất

a) Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất: Buộc san lấp điều chỉnh lại độ dốc bề mặt đất như trước khi vi phạm; san lấp, khôi phục lại độ cao thửa đất hoặc san gạt đất trở lại trạng thái ngang bằng với thửa đất liền kề, đưa diện tích đất vi phạm về trạng thái an toàn;

b) Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Buộc phải nạo vét trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng như trước khi vi phạm;

c) Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận): Buộc san lấp, khôi phục lại độ cao thửa đất hoặc phải san gạt đất trở lại trạng thái ngang bằng với thửa đất liền kề, đưa diện tích đất vi phạm về trạng thái an toàn. Loại đất sử dụng để san lấp khôi phục lại tình trạng ban đầu thửa đất phải sử dụng loại đất cũ đã lấy đi, trường hợp đất cũ đã vận chuyển đi nơi khác để sử dụng vào mục đích khác thì sử dụng đất khác và phải cải tạo đất đảm bảo chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu của thửa đất hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 3 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi vi phạm hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Bãi bỏ số thứ tự 16 mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Như khoản 3 Điều 4 (thực hiện);
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở Dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, NC, BTĐ, KTN._(Chính)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Gia Long